

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 12/12/2005;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14/9/2007 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về việc ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế ưu đãi, hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2526/TTr-STNMT ngày 29/5/2013 và Báo cáo thẩm định số 1660/STP-VPPQ ngày 10/8/2012 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

- Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi bổ sung Điều 13 của Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường của thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-UBND ngày 09/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về “Cơ chế chính sách đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chôn lấp rác thải nông thôn trên địa bàn các huyện thuộc thành phố Hà Nội”;

- Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh Điều 7, Quy định về “Cơ chế chính sách đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chôn lấp rác thải nông thôn trên địa bàn các huyện thuộc thành phố Hà Nội” ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-UBND ngày 09/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; các đơn vị thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND

ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường và trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Mọi tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (kể cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người nước ngoài đang cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn thông thường phải chấp hành Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích một số từ ngữ

Trong Quy định này, một số từ ngữ chuyên ngành được hiểu như sau:

1. “*Chất thải rắn thông thường*” là chất thải ở thể rắn không nguy hại được thải ra từ quá trình sản xuất công nghiệp, làng nghề, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác.

2. “*Chất thải rắn sinh hoạt*” là chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng.

3. “*Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn*” là chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng tại khu vực nông thôn.

4. “*Chất thải rắn sinh hoạt đô thị*” là chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng tại khu vực đô thị.

5. “*Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ*” là các chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt, có nguồn gốc từ thực phẩm rau, quả, củ, lá cây, thức ăn thừa.

6. “*Chất thải rắn sinh hoạt vô cơ*” là các chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt, gồm kim loại, thủy tinh, chai, lọ bằng thủy tinh, nhựa, bao nylon.

7. “*Chất thải rắn xây dựng*” là chất thải rắn phát thải trong quá trình cải tạo, xây dựng, phá dỡ công trình, các phế liệu trong xây dựng và các loại phế thải gián tiếp phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

8. “*Chất thải rắn công nghiệp*” là chất thải rắn phát thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác.

9. “*Hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường*” bao gồm các hoạt động quy hoạch quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở quản lý chất thải rắn thông thường, các hoạt động phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn thông thường nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

10. “*Đơn vị vệ sinh môi trường*” là các tổ chức đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

11. “*Phí vệ sinh*” là khoản phí bắt buộc theo quy định phải nộp hàng tháng của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung cấp dịch vụ vệ sinh (thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến địa điểm xử lý) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

12. “*Điểm tập kết chất thải rắn tập trung của xã*” là khu đất được chọn làm nơi tạm thời tập kết chất thải rắn từ các hộ gia đình để chuyển đi chôn lấp, xử lý tại điểm xử lý chất thải rắn tập trung.

13. “*Điểm xử lý chất thải rắn tập trung của huyện*” là khu đất được chọn xây dựng điểm xử lý chất thải rắn tập trung của huyện với quy mô chôn lấp chất thải rắn cho 02 xã trở lên, phù hợp với quy hoạch của huyện và Thành phố.

14. “*Điểm chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh*” là điểm xử lý chất thải rắn tập trung của huyện có sử dụng hình thức chôn lấp chất thải rắn và áp dụng các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

15. “*Khu xử lý chất thải rắn tập trung*” bao gồm:

a) Khu liên hợp xử lý chất thải rắn: Là tổ hợp của một hoặc nhiều hạng mục công trình xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn và bãi chôn lấp chất thải rắn;

b) Nhà máy xử lý chất thải rắn: Là cơ sở xử lý chất thải rắn bao gồm đất đai, nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ được sử dụng cho hoạt động xử lý chất thải rắn.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn thông thường

1. Việc quản lý chất thải rắn thông thường nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

- Sở Xây dựng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực chất thải rắn thông thường trên địa bàn 10 quận và 01 thị xã, gồm: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Tây Hồ, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Long Biên, Hà Đông và thị xã Sơn Tây.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực chất thải rắn thông thường trên địa bàn 18 huyện, gồm: Từ Liêm, Thanh Trì, Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Ba Vì, Phúc Thọ, Ứng Hòa, Mê Linh.

3. Việc phân cấp quản lý chất thải rắn thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 12, Quy định Phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Các đơn vị vệ sinh môi trường được giao tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường phải đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải, rác thải từ các địa bàn được giao đến nơi xử lý theo quy định.

5. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, khu vực làm việc, nơi cư trú; không để rác, đất, phế thải ở hè, đường phố; tự phân loại rác và thực

hiện lưu giữ chất thải, rác thải trong khu vực cơ quan và nhà ở của mình đảm bảo vệ sinh môi trường; đổ chất thải, rác thải đúng thời gian, đúng nơi quy định.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư công tác thu gom, phân loại, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn thông thường trên theo hướng giảm ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ hiện đại và tiết kiệm tài nguyên đất.

Điều 4. Quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải rắn thông thường

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, lập quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ vào địa điểm quy hoạch và quy mô đầu tư được duyệt, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức đầu tư các khu xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định về phân cấp quản lý.

Điều 5. Xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn thông thường

1. Ủy ban nhân dân Thành phố khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường; đầu tư xây dựng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường.

2. Các tổ chức, cá nhân có thể đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn thông thường theo phương thức xã hội hóa với các nội dung sau đây:

a) Đầu tư thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường; xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình thuộc khu xử lý chất thải rắn thông thường; xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn thông thường;

b) Mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động xử lý chất thải rắn thông thường;

c) Đầu tư chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường.

3. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong

lĩnh vực chất thải rắn thông thường được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Các hành vi làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị bị nghiêm cấm

1. Vứt, đổ chất thải rắn thông thường không đúng thời gian và không đúng nơi quy định; đổ chất thải rắn thông thường ra vỉa hè, lòng đường, đổ ra hệ thống thoát nước, sông, hồ, công viên, vườn hoa, hệ thống đê điều và nơi công cộng.

2. Để chất thải rắn xây dựng ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông, gây ô nhiễm môi trường, bụi, bẩn và làm hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Vận chuyển chất thải rắn thông thường không che chắn, làm rơi vãi, bụi, bẩn đường phố, nơi công cộng, gây ô nhiễm môi trường.

4. Các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường không đúng quy trình công nghệ được phê duyệt; thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường không đúng thời gian quy định gây ùn tắc giao thông; để chất thải rắn sinh hoạt lưu cữu làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường, không thực hiện vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình.

Điều 7. Mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm Quy định về quản lý chất thải rắn thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương 7 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở và các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

3. Những hành vi gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý chất

thải rắn thông thường, tùy theo mức độ, tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Điều 8. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

1. Chất thải rắn sinh hoạt từng bước được kiểm soát, phân loại tại nguồn để tái chế, tái sử dụng, hạn chế gây ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tỷ lệ chôn lấp. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thành: Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ và Chất thải rắn sinh hoạt vô cơ.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải tự thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo Khoản 1 Điều này và phải thực hiện lưu giữ chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định.

3. Đơn vị vệ sinh môi trường có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về phương tiện thu gom, vận chuyển phù hợp; hướng dẫn và giám sát việc phân loại chất thải tại nguồn; tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến nơi xử lý theo quy định.

Điều 9. Thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Các tổ chức, cá nhân có phương tiện, dụng cụ để tự thu gom chất thải rắn sinh hoạt, lưu giữ đảm bảo vệ sinh môi trường ở trong nhà và chuyển đến các điểm tập kết hoặc phương tiện thu gom của đơn vị vệ sinh môi trường đúng thời gian, đúng nơi quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân có cơ sở kinh doanh, dịch vụ phải có phương tiện, dụng cụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, bố trí điểm thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và phải ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường để vận chuyển về nơi xử lý theo đúng quy định. Các cơ sở, hộ gia đình kinh doanh nhỏ phải có phương tiện, dụng cụ để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chuyển đến các điểm tập kết, các phương tiện thu gom của đơn vị vệ sinh môi trường đúng thời gian, địa điểm quy định.

3. Trên các tuyến đường, tuyến phố, quảng trường, nơi công cộng tập trung đông người, các đơn vị vệ sinh môi trường đặt các thùng rác công cộng tại các địa điểm thuận tiện, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực, đặc biệt là tại các địa điểm trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa, di tích lịch sử, để phục vụ việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt; hàng ngày thực hiện thu gom đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự giao thông.

4. Các đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện hàng ngày việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các tổ chức, hộ gia đình, các điểm tập kết về nơi xử lý theo quy định và có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường. Không thu gom và vận chuyển chất thải trong giờ cao điểm: Từ 6 giờ đến 8 giờ và 16 giờ 30 đến 19 giờ hàng ngày (trừ trường hợp đột xuất); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

5. Chất thải rắn sinh hoạt trên đường, hè phố, nơi công cộng phải được các đơn vị vệ sinh môi trường thu gom, quét dọn hàng ngày. Trường hợp trên hè, đường phố, nơi công cộng có đất, cát, phế thải xây dựng hoặc chất thải sinh hoạt rơi vãi mất vệ sinh và mất an toàn giao thông, đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn phải chủ động khắc phục ngay khi kiểm tra hoặc có thông tin phát hiện.

6. Chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển về các khu xử lý để tái chế, tái sử dụng, xử lý, tiêu hủy hoặc chôn lấp theo quy định. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải là phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành. Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, các phương tiện vận chuyển phải an toàn, đi đúng tuyến đường, không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi; khi vào khu xử lý chất thải phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý khu xử lý chất thải.

Điều 10. Xử lý, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý theo các công nghệ: Chôn lấp hợp vệ sinh, đốt, chế biến thành phân hữu cơ, viên đốt hoặc các công nghệ khác phù hợp với đặc tính chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại. Công nghệ xử lý phải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng các Quy chuẩn quốc gia về môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tùy theo hình thức đầu tư và thực trạng vận hành, các khu xử lý chất

thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp huyện và cấp Thành phố được giao cho các tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm hoặc đơn vị sự nghiệp có chức năng thực hiện công tác duy trì quản lý, vận hành. Đơn vị được giao quản lý, vận hành có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình công nghệ, đảm bảo vận hành an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 11. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn xây dựng phải thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng thành các loại: Đất, bùn hữu cơ; cát, đá và chất thải rắn xây dựng (gạch, ngói vỡ, gạch vỡ, sà bần và các loại khác) và chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (kính vỡ, gỗ, chất dẻo, sắt thép, bao bì và các loại khác) để có biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm phát sinh chất thải xây dựng phải có biện pháp đảm bảo môi trường, không làm phát tán bụi bẩn, ô nhiễm môi trường; không sử dụng hè phố, lòng đường, nơi công cộng làm nơi lưu giữ chất thải rắn xây dựng; phải ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường để thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng về đúng nơi quy định của Thành phố; trong trường hợp tự vận chuyển về bãi chôn lấp chất thải xây dựng của Thành phố thì các phương tiện vận chuyển phải tuân thủ điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều này, không để rơi vãi chất thải trên đường và phải nộp phí xử lý chất thải xây dựng tại bãi chôn lấp theo quy định.

3. Các đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn xây dựng về bãi chôn lấp chất thải xây dựng của Thành phố theo quy định; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường, bụi bẩn đường phố, ảnh hưởng tới trật tự an toàn giao thông, phối hợp với chính quyền địa bàn quản lý để kiểm tra, xử lý theo quy định.

4. Xe vận chuyển chất thải xây dựng dạng đất, bùn hữu cơ phải là xe chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không làm rò rỉ, rơi vãi bùn, đất khi vận chuyển. Xe vận chuyển chất thải rắn xây dựng dạng cát, đá, gạch, ngói vỡ, gạch vỡ, sà bần và chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (kính vỡ, gỗ, chất dẻo, sắt thép, bao bì và các loại khác), thùng xe phải kín khít và che chắn theo quy định. Các xe vận chuyển khi vào bãi đổ phế thải phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý bãi chôn lấp chất thải xây dựng. Các phương tiện vận chuyển vật tư, vật liệu rời, phế thải xây dựng, khi ra khỏi công trường xây dựng phải được rửa sạch, không gây bẩn trên đường phố.

5. Các đơn vị vệ sinh môi trường có trách nhiệm phối hợp với cộng đồng dân cư phát hiện việc đổ chất thải rắn xây dựng không đúng quy định; kịp thời phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn lập biên bản và xử lý nghiêm hành vi vi phạm, chủ động thu dọn, khắc phục ngay. Các đơn vị vệ sinh môi trường tổ chức theo dõi, kiểm tra, kiến nghị Thanh tra xây dựng, Ủy ban nhân dân các cấp xử lý đối với chủ công trình, phương tiện vận tải vi phạm các quy định liên quan tới quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn được giao.

6. Chất thải rắn xây dựng được xử lý tại bãi chôn lấp phế thải xây dựng phải tuân thủ quy trình công nghệ vận hành, đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ồn, bụi. Trường hợp xử lý chất thải rắn xây dựng theo công nghệ tái chế thành các vật liệu và chế phẩm xây dựng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt công nghệ, không để gây ô nhiễm thứ cấp.

Điều 12. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

1. Chủ nguồn thải tại cơ sở sản xuất, kinh doanh phải phân loại chất thải rắn công nghiệp thành các loại:

a) Chất thải nguy hại (theo quy định tại Phụ lục 8, Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về quản lý chất thải nguy hại, QCVN 07:2009/BTNMT quy định về Ngưỡng chất thải rắn nguy hại): Việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý, chất thải rắn nguy hại được thực hiện theo đúng quy định quản lý chất thải rắn nguy hại;

b) Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: Việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thực hiện tương tự như các loại chất thải rắn thông thường.

2. Các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở có phát sinh chất thải rắn công nghiệp phải tự tổ chức lưu giữ an toàn các chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trong khu vực sản xuất, kinh doanh của mình và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển về nơi xử lý, tiêu hủy theo quy định.

Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải là các phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và cấp phép lưu hành.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở có phát sinh chất thải rắn công nghiệp không nguy hại tự thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phải được sự chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường; các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo có thùng xe kín khít, phải che chắn đảm bảo không để rơi vãi chất thải rắn công nghiệp ra môi trường và phải chịu phí xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại tại khu xử lý, tiêu hủy chất thải theo quy định.

4. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được xử lý, chôn lấp hợp vệ sinh như chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng theo quy định.

Điều 13. Phí vệ sinh và đơn vị thực hiện thu phí

1. Các tổ chức, đơn vị có trụ sở và các hộ gia đình, cá nhân cư trú trên địa bàn Thành phố phải nộp phí vệ sinh theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đơn vị thu phí là các tổ chức cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Chương III

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN

Điều 14. Các điểm tập kết/trung chuyển chất thải rắn tại các xã và huyện

1. Mạng lưới các điểm tập kết/trung chuyển chất thải rắn tại các xã phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của Thành phố, quy hoạch ngành và quy hoạch chung của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Có vị trí thuận lợi về giao thông hoặc trên các trục giao thông chính của huyện để đảm bảo việc thu gom được thuận lợi và đáp ứng được các quy định về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung theo quy định.

3. Có sự phù hợp về địa hình, địa chất theo quy định và cự ly vận chuyển đến các khu xử lý; được thiết kế theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước trong quá trình khai thác.

Điều 15. Đầu tư xây dựng các điểm/bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh quy mô cấp huyện

1. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các điểm/bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh phải phù hợp với quy hoạch xây dựng của Thành phố, quy hoạch ngành và quy hoạch chung của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Có khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, trung tâm công nghiệp, các nguồn nước, sông, hồ tối thiểu 500m.

3. Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước, vùng phân lũ của các lưu vực sông; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

4. Diện tích tối thiểu cho các điểm/bãi chôn lấp đầu tư xây dựng mới là 5.000m², thời gian sử dụng bãi tối thiểu 2 - 5 năm. Khuyến khích việc cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh thành bãi chôn lấp có kiểm soát, hợp vệ sinh của huyện.

Điều 16. Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn thông thường quy mô cấp huyện và Thành phố

1. Việc đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn thông thường phải thực hiện theo quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành của Thành phố; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và bảo vệ môi trường.

2. Khuyến khích việc lựa chọn đầu tư xây dựng khu xử lý tập trung quy mô cấp huyện, cấp Thành phố có công suất xử lý tối thiểu 200 tấn/ngày; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, hiện đại trong nước và thế giới, nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp, không gây ô nhiễm môi trường.

3. Việc đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về việc ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường

Điều 17. Cơ chế hỗ trợ thực hiện công tác thu gom, vận chuyển; đầu tư xây dựng các điểm tập kết/trung chuyển rác thải, các điểm xử lý, chôn lấp rác thải hợp vệ sinh trên địa bàn các huyện

1. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và mua sắm các phương tiện thu gom, vận chuyển, trang thiết bị an toàn

lao động cho các xã, thị trấn tự tổ chức các tổ thu gom, vận chuyển rác thực hiện mô hình tự quản từ các hộ gia đình đến điểm tập kết rác tập trung của xã, thị trấn.

2. Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu 100% cho ngân sách huyện để đầu tư các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo điểm xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh tập trung của huyện (ô, bãi xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh) kèm theo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

3. Ngân sách Thành phố hỗ trợ xây dựng các điểm tập kết rác thải tập trung của xã với mức 200 triệu đồng/xã; phần còn lại Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã chủ động cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp huyện và cấp xã.

4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Thành phố giao dự toán chi ngân sách quận/huyện hàng năm trong lĩnh vực chi sự nghiệp môi trường.

Trường hợp trong năm có khối lượng công việc phát sinh ngoài kế hoạch, phù hợp với các nhiệm vụ của địa phương mà ngân sách huyện không đảm bảo khả năng tự cân đối, Ủy ban nhân dân huyện và đơn vị thực hiện lập dự toán chi phí cho phần công việc phát sinh, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

5. Thẩm quyền phê duyệt:

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện Dự án thực hiện theo các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Giao Ủy ban nhân dân các huyện hoặc các đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư xây dựng các điểm tập kết/trung chuyển, các điểm xử lý rác thải tập trung của huyện (ô, bãi xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh); chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và của Thành phố về đầu tư xây dựng cơ bản.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành Thành phố

1. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận và các đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường; kiểm tra công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn các quận và thị xã Sơn Tây; hàng năm đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; hướng dẫn thực hiện công tác xã hội hóa quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn được giao quản lý;

b) Hàng năm, tiến hành lập dự toán chi ngân sách cho công tác quản lý chất thải rắn đô thị thông thường (thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; duy trì vệ sinh môi trường trên các tuyến đường) do Thành phố quản lý theo phân cấp trên địa bàn các quận, thị xã, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

c) Xây dựng hồ sơ đấu thầu, đặt hàng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và tổ chức đấu thầu, đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường, duy trì vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Quyết định số 113/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn được giao quản lý theo phân cấp; thực hiện các thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí đầu tư, làm cơ sở xây dựng đơn giá áp dụng cho khu vực đô thị và nông thôn trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt làm căn cứ tổ chức đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh trên địa bàn các quận, huyện, thị xã;

đ) Phối hợp với các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, thị xã tổ chức thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường (thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt), duy trì vệ sinh môi trường do Ủy ban nhân dân các quận và thị xã quản lý theo phân cấp;

e) Chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận tiến hành rà soát, thống nhất địa bàn quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn các quận theo phân cấp tại Quyết định 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

g) Chỉ đạo Thanh tra xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra môi trường kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và nhu cầu sử dụng đất khi triển khai lập dự án; phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với các cơ sở tái chế, tái sử dụng; xử lý chất thải, các bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường và các công trình xử lý nước rỉ rác theo đúng thẩm quyền;

c) Tổ chức quan trắc, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại các cơ sở xử lý, tiêu hủy, các bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường và đề xuất cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật trên địa bàn Thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện thủ tục giao đất, đầu tư dự án xây dựng các điểm tập kết/trung chuyển, xử lý, chôn lấp rác thải và các công trình xử lý nước rỉ rác; đôn đốc việc triển khai thực hiện dự án trên địa bàn các huyện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Quản lý, theo dõi, giám sát công tác vận hành, duy trì các điểm chôn lấp rác thải hợp vệ sinh đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan;

e) Hàng năm, tiến hành lập dự toán chi ngân sách cho công tác quản lý chất thải rắn thông thường (thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; duy trì vệ sinh môi trường trên các tuyến đường) do Thành phố quản lý theo phân cấp trên địa bàn các huyện, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

g) Xây dựng hồ sơ đấu thầu, đặt hàng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và tổ chức đấu thầu, đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường, duy trì vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Quyết định số 113/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn các huyện theo phân cấp; thực hiện các thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành;

h) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, các đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, kiểm tra thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định; hàng năm đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định. Hướng dẫn thực

hiện công tác xã hội hóa quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn được giao quản lý;

i) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện tiến hành rà soát, thống nhất địa bàn quản lý theo phân cấp quản lý công tác vệ sinh môi trường tại Quyết định 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các nội dung vượt thẩm quyền.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Chỉ đạo Thanh tra giao thông vận tải phối hợp với Thanh tra xây dựng, Thanh tra môi trường, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm do chủ phương tiện vận chuyển làm rơi, vãi, đổ chất thải bừa bãi trên hè, đường và nơi công cộng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Cấp giấy phép hoạt động cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn thông thường để phục vụ công tác duy trì vệ sinh môi trường theo quy định.

4. Sở Quy hoạch - Kiến trúc

a) Hướng dẫn, thỏa thuận về địa điểm xây dựng các điểm tập kết/trung chuyển chất thải rắn, các khu xử lý chất thải rắn, bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường ở những khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng thỏa thuận về địa điểm các khu lưu giữ, các trạm trung chuyển, các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường tập trung thuộc địa bàn quản lý của Thành phố.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện phân bổ kế hoạch chi ngân sách nhà nước hàng năm phục vụ công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo phân cấp trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư khi tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh các bãi chôn lấp, các nhà máy xử lý rác theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đảm bảo cho hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

b) Hướng dẫn việc sử dụng tiền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng trong việc xác định đền bù ảnh hưởng môi trường tại các khu xử lý chất thải rắn thông thường;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn thực hiện các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

7. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải rắn thông thường; giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố và các cơ quan khác có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn thông thường tại địa phương theo phân cấp.

2. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao theo đúng quy định; tổ chức đấu thầu, đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý theo phân cấp và theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 113/2009/QĐ-UBND ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn và lực lượng Công an kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường, quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn theo quy định.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Xây dựng kế hoạch đặt hàng công tác duy trì vệ sinh môi trường hàng

nằm trên địa bàn quản lý theo phân cấp, trình các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư để được xem xét, chấp thuận nếu có sự thay đổi.

6. Hàng tháng, tổng hợp kết quả hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường trên địa bàn, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và các kiến nghị, đề xuất khác có liên quan, báo cáo Sở quản lý chuyên ngành trực tiếp địa bàn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn

1. Phối hợp với đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý.

2. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chấp hành các quy định quản lý chất thải rắn thông thường và các quy định khác có liên quan của Ủy ban nhân dân Thành phố; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

3. Tổ chức tuyên truyền các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý chất thải rắn thông thường và giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường theo thẩm quyền quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường

1. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường:

a) Tuân thủ theo quy trình công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thông báo bằng văn bản đến chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn về các nội dung sau:

- Thời gian đổ và thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong ngày của khu vực địa phương, đường phố, ngõ xóm;

- Địa điểm bãi chôn lấp chất thải và các cơ sở xử lý chất thải của Thành phố;

- Địa điểm đặt dụng cụ chứa chất thải rắn sinh hoạt, công dụng của từng loại thùng chứa tại các trục hè đường, tuyến phố, nơi công cộng;

c) Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất

thải rắn thông thường, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các lực lượng có thẩm quyền xử lý;

d) Thực hiện thu phí vệ sinh trên địa bàn được giao theo quy định;

đ) Không làm rơi, vãi chất thải rắn thông thường, phát tán mùi gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển;

e) Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường theo quy định.

2. Đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp và khu xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận; tiếp nhận và xử lý các loại chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp không độc hại phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của khu xử lý, bãi chôn lấp;

b) Quản lý, vận hành bãi chôn lấp và khu xử lý chất thải rắn thông thường theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường;

c) Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường theo quy định;

d) Tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Triển khai thực hiện chương trình giám sát môi trường tại cơ sở và báo cáo kết quả quan trắc đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường định kỳ 6 tháng/lần;

đ) Thực hiện kế hoạch an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động;

e) Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh nhà máy.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình

1. Mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; đổ rác, chất thải đúng thời gian và đúng nơi quy định; không để chất thải sinh hoạt trên hè phố, lòng đường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh công cộng; tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền và các đoàn thể địa phương phát động.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các thành viên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng các nội dung trong Quy định này; thực hiện phân loại chất thải ngay từ nguồn, ký hợp đồng với các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

Điều 23. Phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị phối hợp với chính quyền các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn thông thường; vận động nhân dân thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này; hàng năm, tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh